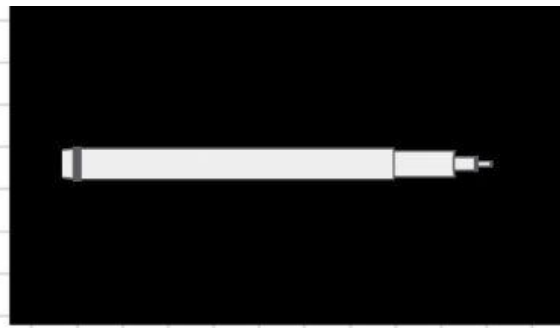




"在" 句子

(1) 我 朋友 在 学校。
Wǒ péngyou zài xuéxiào.

(2) 我 妈妈 不 在 家。
Wǒ māma bú zài jiā.

(3) 她 在 哪儿?
Tā zài nǎr?

Tự đúc kết công thức